



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, P. Đại Phúc, TP Bắc Ninh

ĐT: 02223827974

Email: cdcnb.bci@gmail.com

Fax:

Web: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG
NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2021

Bắc Ninh, tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG NGHIỆP	5
I. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG	5
1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường	5
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:	5
1.2. Những thành tích đã đạt được:	8
2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	14
2.1. Cơ cấu tổ chức:	14
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ BỘ MÁY (tính đến tháng 10/2020):	14
2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường:	17
2.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường:	18
3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	18
4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	22
II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	23
2.1. Quá trình hình thành và phát triển	23
2.2. Chức năng, nhiệm vụ	24
2.3. Đội ngũ giáo viên	24
2.4. Cơ cấu tổ chức	25
2.5. Các nghề đào tạo	25
III. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	26
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	26
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo	27
3.2.1. Mục tiêu chung	27
3.2.2. Mục tiêu cụ thể :	27
3.3. Phương thức đào tạo	29
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo	29
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp	32
3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:	32
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo	33
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
1. Tổng quan chung	34
1.1. Căn cứ tự đánh giá	34
1.2. Mục đích tự đánh giá	34
1.3. Yêu cầu tự đánh giá	34

1.4. Phương pháp tự đánh giá	35
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	35
2. Tự đánh giá	35
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	35
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:	43
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	43
2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	Error! Bookmark not defined.
2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	60
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Error! Bookmark not defined.
2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học	67
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	Error! Bookmark not defined.
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	
3.1. Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	Error! Bookmark not defined.
3.2. Hoạt động đào tạo	Error! Bookmark not defined.
3.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên	Error! Bookmark not defined.
3.4. Chương trình, giáo trình.....	Error! Bookmark not defined.
3.5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	Error! Bookmark not defined.
3.6. Dịch vụ cho người học	Error! Bookmark not defined.
3.7. Giám sát, đánh giá chất lượng	Error! Bookmark not defined.
I. KẾT LUẬN	Error! Bookmark not defined.
II. KIẾN NGHỊ	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 1. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	89
Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá	91
Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng.....	Error! Bookmark not defined.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
4.	TC	Trung cấp
5.	CĐ	Cao đẳng
6.	BGH	Ban Giám hiệu
7.	BCH	Ban chấp hành
8.	P.TK	Phó Trưởng khoa
9.	P.TP	Phó Trưởng phòng
10.	CB	Cán bộ
11.	GV	Giáo viên
12.	CNV	Công nhân viên
13.	CNVC	Công nhân viên chức
14.	GVGDNN	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp
15.	TW	Trung ương
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CTK	Chương trình khung
18.	LLCT	Lý luận chính trị
19.	NĐ	Nghị định
20.	QĐ	Quyết định
21.	ĐH	Đại học
22.	HSSV	Học sinh, sinh viên
23.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
24.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
25.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
26.	KTX	Ký túc xá
27.	CTĐT	Chương trình đô thị
28.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
29.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31.	CNTT	Công nghệ thông tin
32.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	Th.S	Thạc sỹ
35.	UBHC	Ủy ban hành chính
36.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
37.	TĐH	Tự động hóa
38.	TĐHCN	Tự động hóa công nghiệp

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG NGHIỆP

I. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

- 1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- 1.4. Địa chỉ trường: Số 499 - đường Hàn Thuyên
Khu I - Phường Đại Phúc - TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.
- 1.5. Số điện thoại: 0222 3 827 974
- 1.6. Email: cdcن.bci@gmail.com
- 1.7. Website: www.bci.edu.vn
- 1.8. Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc.
 - Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh
 - Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
- 1.9. Loại hình trường: Công lập

1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày 50 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

- 1 Điện công nghiệp;
- 2 Điện tử công nghiệp;
- 3 Hàn;
- 4 Cắt gọt kim loại;
- 5 Công nghệ ô tô;
- 6 Kế toán doanh nghiệp;
- 7 Cơ điện tử;
- 8 Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;
- 9 Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);
- 10 Tự động hoá công nghiệp;
- 11 Công nghệ chế tạo máy
- 12 Thương Mại điện tử

+ Trình độ Trung cấp với 09 nghề đào tạo:

- 1 Điện công nghiệp;
- 2 Điện tử công nghiệp;
- 3 Hàn;
- 4 Cắt gọt kim loại;

- 5 Công nghệ ô tô;
- 6 Kế toán doanh nghiệp;
- 7 Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;
- 8 Kỹ thuật chế biến món ăn;
- 9 Bảo trì, sửa chữa ô tô

+ Trình độ Sơ cấp với 29 nghề đào tạo:

- 1 Điện công nghiệp
- 2 Điện tử công nghiệp
- 3 Điện dân dụng
- 4 Lắp đặt thiết bị lạnh
- 5 Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp
- 6 Công nghệ ô tô phần gầm
- 7 Công nghệ ô tô phần động cơ
- 8 Công nghệ ô tô phần điện
- 9 Sửa chữa thiết bị tự động hóa
- 10 Nguội sửa chữa máy công cụ
- 11 Hàn điện hồ quang tay
- 12 Hàn (Hàn hơi và inox)
- 13 Phay CNC
- 14 Tiện trên máy vạn năng
- 15 Cơ điện tử
- 16 May công nghiệp
- 17 Tin học văn phòng
- 18 Kế toán doanh nghiệp
- 19 Quản lý khai thác công trình thủy lợi
- 20 Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG
- 21 Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện
- 22 Chăn nuôi thú y
- 23 Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc
- 24 Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm
- 25 Trồng rau an toàn
- 26 Trồng và chăm sóc cây hoa
- 27 Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh
- 28 Kỹ thuật chế biến món ăn
- 29 Bảo trì, sửa chữa ô tô

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, thực hiện đào tạo một số ngành nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

1.2. Những thành tích đã đạt được:

1. Công tác chỉ đạo triển khai

Đảng ủy Nhà trường tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh hoạt động tích cực, hiệu quả.

Các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ đã góp phần tích cực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBGV và HSSV, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Duy trì, ổn định quy mô đào tạo trên 2.000 HSSV và nâng cao chất lượng đào tạo. Trong giai đoạn 2019-2021, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt 98%, trong đó chiếm đến 95% sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và có khoảng 30% sinh viên được các doanh nghiệp tuyển chọn trước khi tốt nghiệp.

Rà soát, điều chỉnh, cải tiến, mở thêm và triển khai thực hiện quả chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn cho phù hợp yêu cầu thị trường lao động. Xây dựng và thí điểm đào tạo nghề theo mô hình đào tạo kép cho một số nghề theo thông tư số 25 ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động TB&XH.

Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về Sư phạm dạy nghề, kỹ năng nghề và các lớp dạy nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp).

2. Công tác tuyên truyền, tư vấn GDNN

Trong thời gian từ năm 2016-2021, công tác tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp đã đạt được Nhà trường triển khai với nhiều hình thức thể hiện phong phú, ngay sau khi học sinh, sinh viên nhập học nhà trường đã tổ chức tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu về các mô hình đào tạo nghề của trường, xu hướng phát triển, dự báo nhu cầu của các ngành nghề trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số đang diễn ra vô cùng nhanh chóng.

Các đoàn thể trong nhà trường phối hợp, tích cực, chủ động trong việc tổ chức tuyên truyền và tư vấn về GDNN trong các đợt tuyển sinh, các chương trình ngày hội tư vấn hướng nghiệp do Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bắc Ninh tổ chức.

3. Công tác HSSV

*** Cơ sở vật chất phục vụ công tác HSSV:**

Trong giai đoạn 2020-2021 được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên nhà trường được đầu tư xây dựng khu nhà thể thao đa năng phục vụ cho các hoạt động của HSSV, dự kiến đưa vào sử dụng vào năm 2021.

Hệ thống xưởng thực hành và khu nhà hiệu bộ được cải tạo sửa chữa với mức kinh phí trên 32 tỷ đồng, khu luyện tập thể dục thể thao cho sinh viên được đưa vào sử dụng.

Nhà trường phối hợp với Ban quản lý khu ký túc xá sinh viên của tỉnh để HSSV nhà trường có thể sử dụng các khu thể thao và các dịch vụ của KTX.

*** Các phong trào thi đua:**

- Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đua Dạy tốt, học tốt, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”

- Năm học 2020-2021, là năm đánh dấu nửa thế kỷ xây dựng và phát triển của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Bên cạnh việc phát động các đợt thi đua gắn liền với các ngày lễ lớn của dân tộc, đất nước như “Mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới”; “Kỷ niệm ngày Giải phóng miền nam, thống nhất đất nước” “Kỷ niệm ngày thành lập trường” “Mừng sinh nhật Bác”...nhà trường phát động phong trào thi đua chào mừng 50 năm thành lập trường. Tích cực tham gia các cuộc thi do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức. Các phong trào được triển khai sâu rộng trong đội ngũ viên chức, người lao động và HSSV góp phần tạo nên khí thế thi đua sôi nổi trong toàn trường.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai tổ chức phong trào thi đua được tổ chức bài bản. Chương trình được xây dựng cụ thể về thời gian, nội dung, đối tượng tham gia, người phụ trách, kinh phí tổ chức và kinh phí khen thưởng...Kế hoạch được triển khai tới các đơn vị và tập thể HSSV để thực hiện thông qua các tổ công đoàn, đoàn thanh niên. Cuối mỗi đợt thi đua đều có tổ chức sơ kết, đánh giá, khen thưởng và rút kinh nghiệm trên cơ sở kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV. Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học. Tổ chức cho HSSV tham gia các hội thi, hoạt động phong trào có ý nghĩa giáo dục thiết thực như: Tổ chức địa điểm thu gom pin nhằm tập trung xử lý giảm tác hại đối với môi trường, phong trào “Vì môi trường xanh - sạch - đẹp” được triển khai sâu rộng; tham gia cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp - STARTUP KITE 2020"

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV.

- Tổ chức học tập đầu khóa với các nội dung như giáo dục truyền thống Nhà trường, phổ biến quy chế đào tạo, quy chế HSSV, quy chế nội trú, quy chế ngoại trú, các chế độ chính sách, tham quan thực tế,..

- Tổ chức gặp mặt phụ huynh HSSV đầu khóa học nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ huynh, thảo luận các biện pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác quản lý, giáo dục HSSV.

- Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học.

- Năm 2020, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đạt giải nhất toàn đoàn về thành tích Hội giảng cấp tỉnh, 2 đề tài khoa học cấp tỉnh và cấp nhà nước được nghiệm thu. Mặc dù bị ảnh hưởng dịch bệnh covid 19 tuy nhiên, kết quả học tập đại trà của HSSV vẫn đạt trên 76% khá giỏi.

*** Kết quả rèn luyện:**

Kết quả rèn luyện năm học 2019-2020 như sau:

Xuất sắc 3.98%, Tốt 52.15%; Khá 34.17%; Trung Bình 9%; Yếu 0.7%;

Kết quả rèn luyện năm học 2020-2021 như sau:

Xuất sắc 4.86%, Tốt 50.85%; Khá 32.17%; Trung Bình 10.75%; Yếu 1.37%;

*** Tình hình thực hiện BHYT cho HSSV:**

Tiếp nhận, quản lý hồ sơ HSSV đảm bảo đúng quy định; thực hiện đầy đủ các chế độ của HSSV về học bổng và trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí học tập theo quy định hiện hành; thực hiện tốt công tác khám sức khỏe đầu vào, đầu ra, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV. Toàn trường có 100% HSSV tham gia Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thân thể.

*** Kết quả thực hiện chính sách cho HSSV:**

Nhà trường chú trọng công tác khuyến học - khuyến tài, kịp thời động viên, khuyến khích các em HSSV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Trong năm học 2020-2021, nhà trường đã cấp 08 suất học bổng và 05 suất khen thưởng cho HSSV học tập học tập tốt trong học kỳ 1 của năm học 2020-2021; 02 sinh viên được nhận học bổng của bang Hessen CHLB Đức tại Việt Nam. 01 tân sinh viên được nhận học bổng nữ sinh do tổ chức GIZ CHLB Đức trao tặng. Nhà trường tặng 01 suất học bổng cho thủ khoa đầu vào. Tiếp tục thực hiện chương trình kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp “Đào tạo kép” tại công ty TNHH ABB Việt Nam. Năm học 2020-2021 doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ 10 sinh viên của nhà trường lên tới 500 triệu đồng. Năm 2021, có 13 xuất học bổng được trao cho tân sinh viên, trong đó có 4 sinh viên nghề Cắt gọt kim loại tiêu chuẩn Đức, 4 sinh viên nghề Thương mại điện tử, 2 học bổng nữ sinh, 2 học bổng thủ khoa, á khoa.

4. Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp

*** Kết quả tuyển sinh:**

Được triển khai đảm bảo đúng quy định, công khai, khách quan. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng phù hợp quy định, quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - TBXH và tình hình thực tiễn Nhà trường; các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh được đa dạng hóa và thu hút nhiều CBVC, HSSV tham gia.

- Kết quả tuyển sinh vượt kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

+ Tuyển sinh tập trung dài hạn: 768 HSSV (trình độ Cao đẳng: 477 SV, Trung cấp: 291 HS) vượt chỉ tiêu kế hoạch.

+ Tuyển sinh Cao đẳng liên thông: 25 Sinh viên.

+ Đào tạo sơ cấp, dưới 3 tháng và thường xuyên: 240 học viên (bao gồm Đào tạo sơ cấp, ngắn hạn, các lớp nghiệp vụ sư phạm,...)

+ Tuyển sinh các lớp đại học liên kết với tổng số 61 học viên.

*** Kết quả tốt nghiệp:**

Năm học 2020-2021 là năm đầu tiên tổ chức thi và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp theo luật giáo dục nghề nghiệp với tổng số: 506 HSSV tốt nghiệp, chiếm tỷ lệ 97,5%, trong đó: có 245 Sinh viên cao đẳng và 261 học sinh trung cấp.

5. Chất lượng và hiệu quả đào tạo

Ngay khi các em HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng để HSSV có điều kiện tiếp cận với nhà tuyển dụng. Trong quá trình phỏng vấn, thi tuyển HSSV đáp ứng được yêu cầu từ phía doanh nghiệp đã được doanh nghiệp lựa chọn vào các nhà máy, cụ thể như Sam Sung, tập đoàn Hồng Hải, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH ABB, ...Kết quả là sau khi ra trường 95% HSSV có việc làm và thu nhập ổn định.

- Đào tạo tập trung: 80 lớp với tổng số 2,168 HSSV (Trong đó: Cao đẳng 1267 sinh viên, Trung cấp 901 học sinh).

- Sơ cấp: 33 Học viên

- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm: 186 học viên

- Bồi dưỡng thường xuyên: 39 học viên

- Số lượng học viên đào tạo liên kết do cơ sở khác cấp bằng: Nhà trường tiếp tục phối hợp với trường ĐHSPTK Hưng Yên đào tạo các lớp Đại học VLVH (121 học viên).

Chất lượng đào tạo năm học 2020-2021:

- Tổ chức kiểm tra học kỳ 2 năm học 2020-2021.

Kết quả học tập, rèn luyện học kỳ 2, năm học 2020-2021 như sau:

+ Kết quả học tập: Xuất sắc: 0,1% Giỏi 6.1 %; Khá 32,5%; TB Khá 42.7%; Trung Bình 9.2%; Yếu 9,3%;

+ Kết quả rèn luyện: Xuất sắc 4.86%, Tốt 50.85%; Khá 32.17%; Trung Bình 10.75%; Yếu 1.37%;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo. Tăng cường các hoạt động thanh kiểm tra đào tạo. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt chú trọng rèn luyện tay nghề cho HSSV. Tăng cường kiểm tra các lớp liên kết đang giảng dạy tại các Trung tâm GDTX-GDNN;

6. Kết quả hợp tác, liên kết với doanh nghiệp về đào tạo và giải quyết việc làm

Tiếp tục thực hiện chương trình kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp “Đào tạo kép” tại công ty TNHH ABB Việt Nam, Công ty TNHH Symkos. Năm học 2020-2021 doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ 10 sinh viên của nhà trường lên tới 500 triệu đồng.

Phối hợp với các doanh nghiệp, công ty để đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV, đưa HSSV đi trải nghiệm thực tế và đi thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp: Canon Tiên Du, Samsung Display Yên Phong, Công ty Sanwa Việt Nam, Công ty TNHH UMC Hải Dương, ... Trong năm 2020 vừa qua nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp để đưa trên 1000 lượt HSSV đi thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp.

Công tác đào tạo gắn liền với liên kết doanh nghiệp được nhà trường chú trọng là mục tiêu số 1 trong chiến lược phát triển nhà trường. Theo định kỳ hằng năm nhà trường thường tổ chức các cuộc hội nghị cùng doanh nghiệp và xin ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về công tác đào tạo của nhà trường. Khi các doanh nghiệp có sử dụng lao động của nhà trường thì nhà trường mời trực tiếp tham gia vào quá trình đánh giá chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng kỹ năng nghề sau khi tốt nghiệp.

Năm học 2020-2021 nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp tổ chức các hoạt động tư vấn cho HSSV. Đặc biệt tổ chức buổi hội thảo ”Hội thảo hợp tác hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng, kinh nghiệm thành công từ CHLB Đức”, với sự góp mặt của hơn 20 doanh nghiệp, các trường THPT, các TT GDNN-GDTX, các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

7. Kết quả liên kết đào tạo theo Thông tư 29/2017/TT – BLĐT BXH

Nhà trường tổ chức liên kết đào tạo và triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài, trường ĐHSPKT Hưng Yên, các trung tâm GDNN-GDTX huyện. Mở thêm 02 lớp tổng số 50 học sinh (25 HS nghề Hàn và 25 HS nghề KTCBMA).

Đẩy mạnh liên kết với các trường đại học để mở các lớp đại học hệ vừa làm, vừa học và phối hợp tìm kiếm đối tượng có nhu cầu học Thạc sỹ để tạo nguồn đào tạo; giúp cho HSSV, học viên có cơ hội học nâng cao trình độ Đại học, Thạc sỹ.

Nhà trường tăng cường hợp tác liên kết với các đơn vị trường đại học, các trung tâm trong và ngoài tỉnh, cụ thể phối hợp đào tạo liên kết với trường ĐHSPKT Hưng Yên đào tạo các lớp Đại học VLVH (09 lớp với số lượng 121 học viên).

Tuyển sinh 03 lớp Đại học SPKT Hưng Yên liên kết tại trường với tổng số 61 học viên.

8. Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN; xây dựng hệ thống ĐBCL

Trong năm học 2020-2021 nhà trường đã thành lập riêng Tổ kiểm định và đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên môn giúp Nhà trường lập và triển khai các kế hoạch cũng như thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở GDNN. Tổ chức thực hiện tự kiểm định theo các tiêu chí đảm bảo chất lượng đào tạo của đơn vị. Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng. Đến nay đã thực hiện được 18 quy trình. Lập báo cáo tự kiểm định gửi Sở Lao động Thương binh Xã hội và Cục kiểm định theo quy định.

Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá chất lượng 02 ngành cấp độ quốc tế và cấp độ khu vực là ngành Cắt gọt kim loại và ngành Điện tử công nghiệp đều đạt tiêu chuẩn về kiểm định. Năm 2021, nhà trường tổ chức tự đánh giá 3 nghề trọng điểm 3 cấp độ.

9. Công tác hợp tác quốc tế về GDNN

Trong năm học 2020-2021 với sự diễn biến phức tạp của dịch bệnh covid-19 các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường cũng có nhiều thay đổi so với trước. Nhà trường vẫn thường xuyên giữ mối liên hệ hợp tác với các các tổ chức hợp tác quốc tế như Giz của CHLB Đức. Từ tháng 8/2020 tổ chức Giz của CHLB Đức đã đưa chuyên gia sang để phối hợp và giúp đỡ nhà trường thực hiện các nội dung trong khuôn khổ dự án "Đổi mới trong lĩnh vực đào tạo nghề" do chính phủ CHLB Đức tài trợ.

10. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về GDNN

Kết quả tuyển sinh đào tạo ngành nghề trọng điểm đã được phê duyệt theo từng trình độ và kinh phí đầu tư.

Hiện tại nhà trường đã được phê duyệt đào tạo các nghề trọng điểm, trong đó 01 nghề trọng điểm quốc tế (nghề Cắt gọt kim loại), 03 nghề trọng điểm cấp ASEAN (nghề Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp), 02 nghề trọng điểm quốc gia (Tự động hóa công nghiệp, Cơ điện tử).

Trong năm nhà trường được đầu tư 7 tỷ đồng cho 3 nghề trọng điểm nghề Công nghệ ô tô, Điện tử công nghiệp và Tự động hóa công nghiệp)

11. Công tác chuyên môn khác

Tổ chức Hội giảng nhà giáo dục cấp trường năm 2020: Kết quả 21/21 đạt danh hiệu nhà giáo dạy giỏi cấp trường năm 2020, trong đó: Có 04 nhà giáo đạt giải nhì, 06 nhà giáo đạt giải ba.

Tham gia Kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia với 03 thí sinh dự thi 03 nghề (Hàn, Thiết kế cơ khí, Điện tử): Kết quả đạt 03 giải khuyến khích.

Năm 2020, sinh viên nhà trường tham dự và đạt giải 3 khu vực phía Bắc, giải khuyến khích toàn quốc được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH trong cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp – STARTUP KITE 2020" do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội tổ chức.

12. Công tác nghiên cứu khoa học

- Công tác nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp, Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

- Công tác nghiên cứu khoa học tiếp tục được đẩy mạnh. Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu. Trong năm 2020-2021 nhà trường có 15 đề tài cấp trường được triển khai, công nhận. 2 đề tài cấp tỉnh và cấp nhà nước. 1 dự án đổi mới sáng tạo đạt giải 3 khu vực đồng bằng Sông Hồng và các tỉnh phía Bắc.

- Sinh viên nhà trường tham dự chương trình khởi nghiệp toàn quốc năm 2020 đạt giải 3 khu vực phía Bắc, giải khuyến khích toàn quốc được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH.

13. Công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng.

- Tổ chức thành công đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, 07 đồng chí được bầu vào BCH nhiệm kỳ mới. Ngay sau khi kết thúc đại hội BCH đã tiến hành họp phiên họp thứ nhất, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Đảng ủy Nhà trường tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh hoạt động tích cực, hiệu quả. Công tác phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đảng, đoàn thể đã góp phần tích cực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBGV và HSSV, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đua học tốt, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, cụ thể: Trường là đơn vị giành giải nhì tại Hội thi “Tiếng hát các cơ sở GDNN lần thứ nhất” do tỉnh tổ chức Nhiệt tình tham gia các hoạt động tình nguyện, tiếp sức mùa thu do Đoàn, hội cấp trên phát động. Các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt diễn ra sôi nổi trong toàn trường. Hội sinh viên nhà trường được Trung ương hội tặng Bằng khen...

14. Công tác thi đua - khen thưởng

- Công tác thi đua, tuyên truyền và biểu dương khen thưởng được duy trì thường xuyên và kịp thời, góp phần động viên đội ngũ cán bộ viên chức, lao động.

- Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác khuyến học, khuyến tài, cấp học bổng cho HSSV có kết quả học tập xuất sắc và giảng các xuất học bổng khuyến khích cho các tân HSSV có điểm xét tuyển cao khi nhập học vào trường.

- Trong năm 2020-2021, nhiều tập thể, cá nhân của nhà trường có thành tích xuất sắc trong các phong trào như: “Dạy tốt - Học tốt”, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hội giảng...được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng.

- Hiệu trưởng nhà trường tặng thưởng cho 10 giáo viên có thành tích cao trong thi giảng cấp trường; biểu dương, khen thưởng 01 tập thể, 01 cá nhân tiêu biểu trong công tác tôn tạo cảnh quan sư phạm nhà trường.

- Bình xét thi đua, khen thưởng theo đúng quy chế, quy định. Kết quả bình xét thi đua, khen thưởng năm 2019. Tập thể nhà trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

+ Tập thể lao động tiên tiến: 11/11 đơn vị (100%)

+ Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể nhà trường

+ Lao động tiên tiến: 92/92 cán bộ, viên chức, lao động

+ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 06 cá nhân

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động TB&XH: 01 tập thể, 01 cá nhân

+ Giấy khen của Giám đốc Sở LĐ TB&XH: 02 tập thể, 02 cá nhân

+ Giấy khen của Hiệu trưởng: 06 tập thể; 8 cá nhân

- Bình xét thi đua, khen thưởng theo đúng quy chế, quy định. Kết quả bình xét thi đua, khen thưởng năm 2020 như sau:

Tập thể nhà trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Tập thể lao động tiên tiến: 11/11 đơn vị (100%)

+ Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể nhà trường

+ Lao động tiên tiến: 91/92 cán bộ, viên chức, lao động

+ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 06 cá nhân

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động TB&XH: 01 tập thể, 01 cá nhân

+ Giấy khen của Giám đốc Sở LĐ TB&XH: 01 tập thể, 03 cá nhân

+ Giấy khen của Hiệu trưởng: 05 tập thể; 10 cá nhân

Năm 2021, nhà trường đang tổ chức đánh giá và bình xét thi đua trong tháng 11/2021.

2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

2.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;

- Hội đồng trường;

- Ban Giám Hiệu;

- Các Hội đồng tư vấn;

- Các tổ chức đoàn thể;

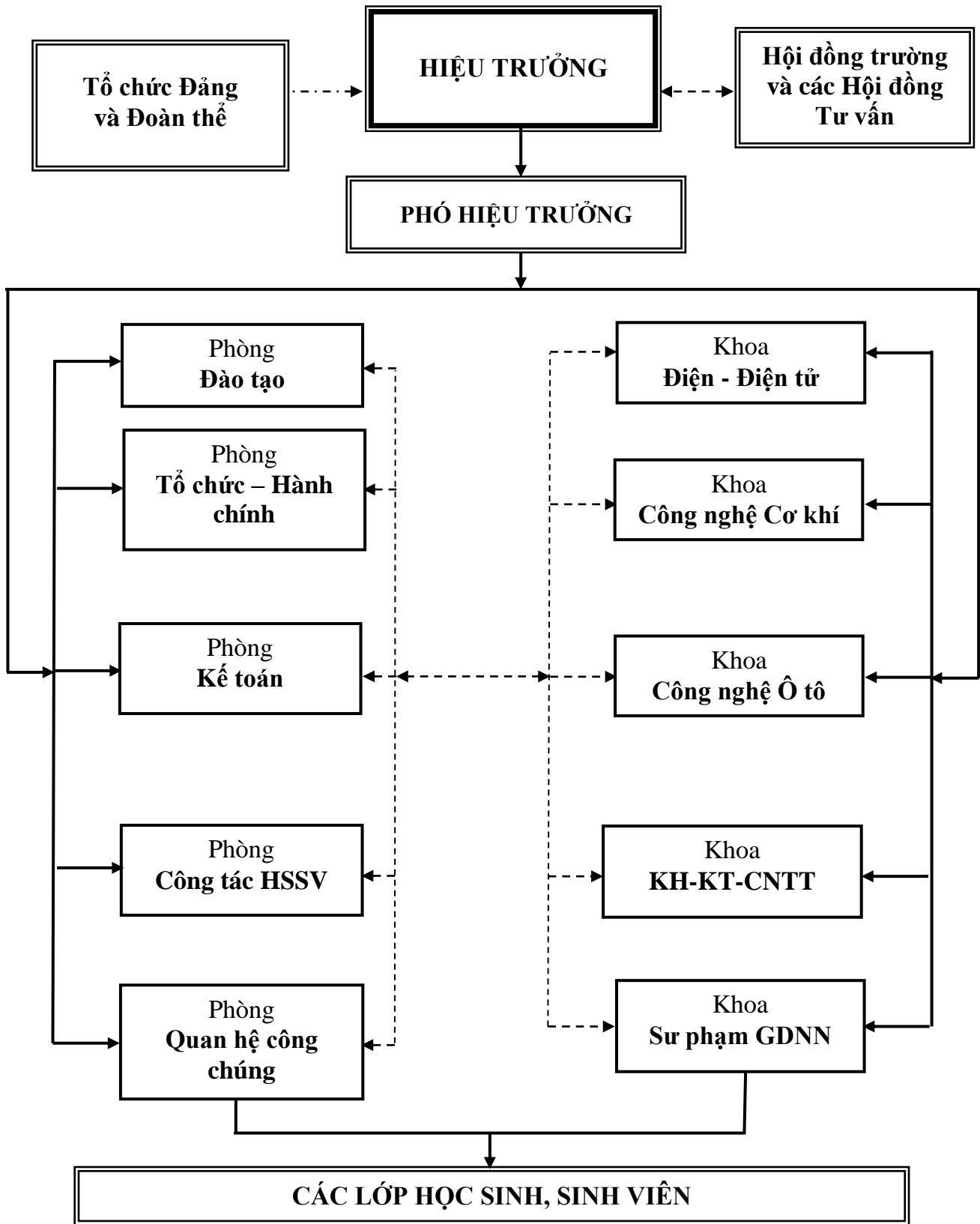
- Các phòng chức năng (05 phòng):

+ Phòng Đào tạo;

+ Phòng Tổ chức - Hành chính;

- + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
- + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa công nghệ Ô tô;
 - + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
 - + Khoa sư phạm GDNN.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ TRƯỜNG



2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Bí thư Đảng uỷ
	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ 1	Đình Công Thuyền	1966	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Lê Sỹ Phính	1964	Đại học	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Tạ Thị Huyền	1987	Thạc sỹ	Bí thư
Hội sinh viên				Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đình Công Thuyền	1966	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Lê Sỹ Phính	1964	Đại học	Phó Trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Cử nhân	Phó trưởng phòng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Khoa học-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Phó TK phụ trách khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa

2.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	88	89	92
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	61	64	64
- Tiến sĩ	1	1	1
- Thạc sĩ	24	27	29
- Đại học	35	35	33
- Cao đẳng	01	01	01
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	60	63	63

3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	100	191	100	274	100	257
2	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	80	232	80	298	80	303
3	Hàn	Cao đẳng	50	0	50	0	50	0
4	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng	70	92	70	91	70	100
5	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	60	118	60	146	60	152
6	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30	26	30	48	30	51
7	Cơ điện tử	Cao đẳng	25	110	25	100	25	123
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công	Cao đẳng	20	0	20	0	20	0

TT	Tên nghề đào tạo	Trình	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	ngành							
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	25	51	25	65	25	103
10	Thương mại điện tử	Cao đẳng	20	0	20	0	20	20
11	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
12	Công nghệ chế tạo máy	Cao đẳng	30	26	30	41	30	60
13	Tự động hoá công nghiệp	Cao đẳng	30	63	30	108	30	150
14	Điện công nghiệp	Trung cấp	18	324	18	234	18	161
15	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	18	147	18	200	18	166
16	Hàn	Trung cấp	18	81	18	158	18	130
17	Cắt gọt kim loại	Trung cấp	25	33	25	38	25	42
18	Công nghệ ô tô	Trung cấp	30	26	30	17	30	17
19	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	25	0	25	0	25	0
20	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;	Trung cấp	20	1	20	0	20	0
21	Kỹ thuật chế biến món ăn;	Trung cấp	30	144	30	160	30	126
22	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Trung cấp	20	-	20	30	20	53
23	Điện công nghiệp	Sơ cấp	30	2	30	2	30	2
24	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp	30	1	30	1	30	1
25	Điện dân dụng	Sơ cấp	30		30	2	30	2
26	Lắp đặt thiết bị lạnh	Sơ cấp	20	1	20	3	20	3
27	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0

TT	Tên nghề đào tạo	Trình	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Điều khiển trong công nghiệp							
28	Công nghệ ô tô phần gầm	Sơ cấp	25	0	25	1	25	1
29	Công nghệ ô tô phần động cơ	Sơ cấp	25	0	25	2	25	0
30	Công nghệ ô tô phần điện	Sơ cấp	25	1	25	1	25	0
31	Sửa chữa thiết bị tự động hóa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
32	Nguội sửa chữa máy công cụ	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
33	Hàn điện hồ quang tay	Sơ cấp	30	1	30	1	30	1
34	Hàn (Hàn hơi và inox)	Sơ cấp	30	3	30	0	30	0
35	Phay CNC	Sơ cấp	20	1	20	0	20	0
36	Tiện trên máy vạn năng	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
37	Cơ điện tử	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0
38	Máy công nghiệp	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
39	Tin học văn phòng	Sơ cấp	30	1	30	0	30	0
40	Kế toán doanh nghiệp	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
41	Quản lý khai thác công trình thủy lợi	Sơ cấp	30	1	30	0	30	0
42	Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG	Sơ cấp	20	0	20	0	20	0
43	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	Sơ cấp	20	1	20	0	20	0
44	Chăn nuôi thú y	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0
45	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0
46	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0

TT	Tên nghề đào tạo	Trình	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
47	Trồng rau an toàn	Sơ cấp	60	0	60	0	60	0
48	Trồng và chăm sóc cây hoa	Sơ cấp	60	0	60	0	60	0
49	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp	60	0	60	0	60	0
50	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	90	93	90	10	90	10
51	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Sơ cấp	15	0	15	0	15	0

*** Quy mô tuyển sinh:**

Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Số 175/2017/GCNĐKHĐ-TCDN, ngày 23/6/2017; Số 175a/2017/GCNĐKBS-GDNN, ngày 25/8/2017; số 175b/2017/GCNĐKBS-TCGDNN, ngày 26/7/2019).

4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m ²)	24.310	24.310	24.310
- Khu hiệu bộ	2012	2012	2012
- Phòng học lý thuyết	5200	5200	5200
- Xưởng thực hành	7840	7840	7840
- Khu phục vụ			
+ Thư viện	150	150	150
+ Ký túc xá	4742	4742	4742
+ Nhà ăn	300	300	300
+ Trạm y tế	20	20	20
+ Khu thể thao	5000	5000	5000
- Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)			
2. Tổng số đầu sách của trường (Quyển)	2500	2500	2500
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>
3. Tổng số máy tính của	159	148	148

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
trường (bộ)			
- Dành cho văn phòng	27	25	25
- Dành cho học sinh học tập	132	123	123
4. Tổng nguồn kinh phí của trường (đồng)	23.947.028.253	24.067.302.325	14.786.904.971
5. Tổng thu học phí (đồng)	5.678.976.750	6.292.674.780	4.270.512.971
6. Tổng kinh phí quyết toán (đồng)	19.352.037.362	19.632.218.542	8.737.171.429

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông tin khái quát

Tên khoa	: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
Tên Tiếng Anh	: Không có
Số điện thoại	: 02223.824.007
Số fax	: Không có
Email	: kdtcdn.sldtbxh@bacninh.gov.vn

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa Điện - Điện tử (trước đây là khoa Điện) được thành lập tháng 10 năm 2003 mà tiền thân là Ban Nghề thuộc Trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, tiếp theo là Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh và hiện nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên khoa Điện - Điện tử có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường đã đào tạo hàng vạn học sinh sinh viên của ba cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp thuộc các nghề Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp và nghề Vận hành và sửa chữa Trạm bơm điện cho để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các thành phần kinh tế trong địa phương và cả nước. Ngoài ra cán bộ, giáo viên của Khoa còn tham gia giảng dạy cho các lớp Đại học VHVL liên kết với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên tại trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa Điện-Điện tử đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy và học:

**** Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên:***

- Trong giảng dạy:

- + 12 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh
- + 05 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia
- + 01 giáo viên được nhận giải thưởng Nguyễn Văn Trỗi

- Trong nghiên cứu khoa học:

- + Tham gia đề tài Quản lý xưởng theo mô hình 5S
- + Tham gia sáng kiến cải tiến và chế tạo đồ dùng dạy học: Có 01 thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải Nhất trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2016, có 01 thiết bị tham gia Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2019 (giải ba).
- + Năm 2021 Khoa điện – Điện tử có 01 Giáo viên tham gia Thi giảng Hội giảng Nhà giáo GDNN toàn quốc 2021 là cô Nguyễn Thị Hồng – Giáo viên dạy bên ngành Tự động hóa công nghiệp và Điện tử công nghiệp.

*** Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:**

- + Năm 2012: 02 sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh.
- + Năm 2014: 03/03 sinh viên nghề Điện tử công nghiệp đạt giải HSGN trong Hội thi tay nghề giỏi cấp Tỉnh (trong đó có 01 nhất, 01 ba và 01 giải khuyến khích).
- + Năm 2018: 01 SV nghề Điện tử công nghiệp đạt giải ba kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia;
- + Năm 2020: 01 SV nghề Điện tử công nghiệp đạt Chứng nhận kỹ năng nghề xuất sắc trong kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia;
- + HSSV ngoài việc luyện tập kỹ năng cơ bản còn thường xuyên được tham gia sản xuất các sản phẩm gắn với thực tế, do đó khả năng tay nghề của HSSV luôn được nâng cao.

Khoa Điện-Điện tử có hệ thống các phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị thực hành hiện đại có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo cho mọi thành phần kinh tế. Các thiết bị này được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm, của tổ chức GTV (Italia) và nguồn vốn ODA của “Chương trình Đào tạo nghề 2008” trong khuôn khổ hợp tác với chính phủ CHLB Đức.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ

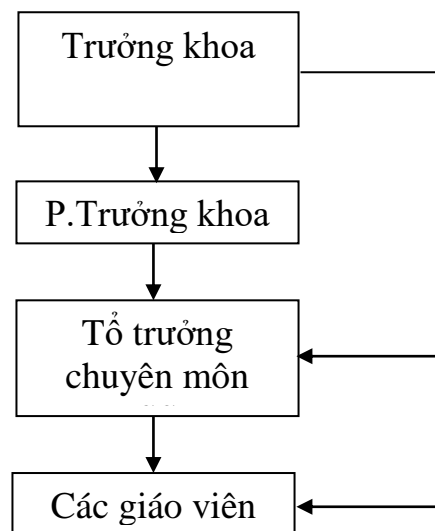
- Nhiệm vụ trọng tâm của Khoa là tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy các môn học, mô-đun (lý thuyết, thực hành, tích hợp) của các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp, Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện và một số nghề liên quan của ba cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp.
- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường.
- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề.
- Quản lý giáo viên, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị đào tạo.

2.3. Đội ngũ giáo viên

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	HỌC VỊ	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ ĐẢNG/ĐOÀN THỂ
1	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Trưởng khoa-PTK	Bí thư chi bộ
2	Dương Văn Nhung	1977	Thạc sỹ	P.Trưởng khoa	Phó bí thư chi bộ

3	Nguyễn Đức	Hạnh	1980	Thạc sỹ	Tổ trưởng	
4	Nguyễn Hữu	Cường	1991	Thạc sỹ	Giáo viên	
5	Thân Văn	Dũng	1995	Kỹ sư	„	
6	Lê Thị	Hiền	1988	Thạc sỹ	„	
7	Nguyễn Thị	Hiền	1982	Thạc sỹ	„	
8	Nguyễn Thị	Sử	1978	Cử nhân	„	
9	Nguyễn Thị	Hồng	1989	Kỹ sư	„	
10	Nguyễn Duy	Hưng	1984	Cử nhân	„	
11	Nguyễn Văn	Khoa	1991	Thạc sỹ	„	
12	Dương Quỳnh	Nga	1979	Thạc sỹ	„	
13	Nguyễn Thị	Quyên	1982	Kỹ sư	„	
14	Trương T. Hoài	Thanh	1967	Kỹ sư	„	
15	Nguyễn Thị	Thu	1987	Kỹ sư	„	
16	Ngô Thị	Thúy	1988	Thạc sỹ	„	
17	Ngô Đức	Tú	1996	Cử nhân	„	
18	Nguyễn Đình	Vui	1986	Thạc sỹ	„	

2.4. Cơ cấu tổ chức



2.5. Các nghề đào tạo

STT	Tên nghề	Ghi chú
1	Điện công nghiệp (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	

2	Điện tử công nghiệp (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	
3	Tự động hóa công nghiệp (trình độ đào tạo: Cao đẳng)	
4	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện (trình độ đào tạo: Trung cấp, Sơ cấp)	
5	Lắp đặt thiết bị lạnh (trình độ đào tạo: Sơ cấp)	
6	Điện dân dụng (trình độ đào tạo: Sơ cấp)	

III. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Từ những năm 1990 Trường tuyển sinh và đào tạo Công nhân kỹ thuật bậc 2/7, 3/7, 4/7 nghề Điện xí nghiệp, Điện dân dụng. Năm 2007, Trường đổi tên trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, Nhà trường tuyển sinh và đào tạo mới hệ trung cấp nghề Điện tử công nghiệp, nghề Điện xí nghiệp được đổi tên thành nghề Điện công nghiệp; Năm học 2010 – 2021, Trường trở thành Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, Nhà Trường tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng nghề khoá đầu tiên. Năm học 2017 – 2018, Trên nền tảng đội ngũ Giáo viên giảng dạy nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, các giáo viên có chuyên ngành Tự động hóa cùng với các trang thiết bị, máy móc hiện đại được đầu tư hàng năm của Chương trình mục tiêu..Nhà trường đã tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng khoá đầu tiên Tự động hóa Công Nghiệp (khóa 8: Niên khóa 2017 – 2020). Những năm gần đây, với sự phát triển mạnh của KH-CN, nhu cầu về vị trí việc làm lĩnh vực TĐHCN tăng nhanh, theo đó là lượng SV ngành/ nghề TĐHCN theo học tại Trường tăng lên, Nhà trường đã và đang đào tạo các khóa: 8, 9, 10,11 và 12.

Cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo tại Trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp được phát triển trên cơ sở chương trình đào tạo do Bộ LĐTB&XH ban hành. Với đội ngũ GV tuy tuổi đời còn ít nhưng có tay nghề tốt, luôn cập nhật kiến thức kỹ năng mới đưa vào chương trình giảng dạy. Từ đó đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các tập đoàn sản xuất lắp ráp điện tử hàng đầu đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như Samsung, Foxconn, Canon...

Hàng năm, khoa Điện – Điện tử phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể GV và HS-SV; GV đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trình lên BGH đúng thời hạn, tham gia Hội giảng cấp trường, cấp

tính, đồng thời cử HSSV tham gia các kỳ thi Tay nghề cấp tỉnh, cấp quốc gia, với nhiều thầy cô và HSSV đạt kết quả cao. Kết quả các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của GV được công nhận và ứng dụng trong giảng dạy.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ; có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Tự động hóa trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe; tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Kiến thức:

- + Trình bày được chức năng và ứng dụng của các cảm biến, thiết bị đo lường và điều khiển.
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử cơ bản.
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động, chức năng và ứng dụng của các cơ cấu chấp hành và các thiết bị tự động chuyên dùng.
- + Trình bày được các phương pháp lập trình ứng dụng PLC, vi điều khiển.
- + Trình bày được các kí hiệu, qui ước của các sơ đồ điện chuyên ngành.
- + Trình bày được quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chỉnh được các hệ thống điều khiển tự động.
- + Trình bày được các qui tắc về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

- Kỹ năng:

- + Nhận dạng, phân loại, lựa chọn và sử dụng được các cảm biến, thiết bị đo lường và điều khiển.
- + Vẽ mạch và lắp ráp được các mạch điện tử cơ bản.
- + Vẽ được sơ đồ nối các bộ điều khiển với thiết bị ngoại vi.
- + Đấu nối và vận hành được các bộ điều khiển với thiết bị ngoại vi.
- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ đồ nghề chuyên dùng thông dụng.
- + Lập trình ứng dụng PLC, vi điều khiển.
- + Giải thích được nguyên lý hoạt động của các sơ đồ mạch điều khiển.
- + Vận hành được các thiết bị, dây chuyền sản xuất và hệ thống tự động.
- + Áp dụng được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy

định của pháp luật trong thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị trong hệ thống điều khiển tự động hóa.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng tổ chức và quản lý một phân xưởng sản xuất độc lập, làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; định hướng được hoạt động của bản thân và tổ, nhóm; tự tra cứu, đọc, nghiên cứu và rút ra kiến thức cần có; giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế sản xuất, kinh doanh; có tác phong công nghiệp, tuân thủ quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động.

3.3. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Tự động hóa công nghiệp là phương thức đào tạo tập trung, học theo niên chế (áp dụng từ khóa 8, 9) và tích lũy mô đun, tín chỉ (áp dụng từ khoá 10).

Phương thức đào tạo của Trường hiện nay thực hiện theo đào tạo tích lũy mô đun, tín chỉ, chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp đào tạo trong thời 2,5 năm, một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên phải hoàn thành nội dung môn học, mô đun đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện. Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ: Phải tích lũy đủ 126 tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo và hoàn thành Đồ án tốt nghiệp thì được công nhận tốt nghiệp

Để tăng thời gian học thực hành (thực hành, luyện tập, thực tập, hí nghiệm/ bài tập/thảo luận) của Sinh viên, chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp có số giờ thực hành chiếm khoảng 70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để Sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho Sinh viên nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ trung cấp lên cao đẳng của trường, liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học với nghề tương ứng.

3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; năm 2017, Trường thực hiện xây dựng mới tất cả các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng là nghề mới, thời gian đào tạo 2,5 năm, tuân thủ đúng quy trình và được thẩm định theo đúng quy định. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và tham khảo chương trình đào tạo của các Trường đào tạo chất

lượng cao, tham khảo ý kiến của các Giảng viên có kinh nghiệm trong trường và ngoài trường, ý kiến của Chuyên gia, cũng như tham khảo ý kiến của một số Doanh nghiệp sử dụng lao động, cán bộ quản lý GDNN, năm 2019 Trường tổ chức thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo Tự động hóa công nghiệp tăng thời lượng cho Sinh viên học ngoài doanh nghiệp để vừa học tập thực tế sản xuất, vừa làm quen và thích ứng với môi trường sản xuất, vị trí việc làm tương lai, áp dụng đào tạo cho Sinh viên khóa 10 (2019÷2022).

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo ngành/nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh khóa đầu tiên 2017, khóa 8: 2017÷2020, khóa 9: 2018÷2021 vẫn sử dụng chương trình đào tạo này:

				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	22	450	220	200	30
1	MH 01	Chính trị	5	90	60	24	6
2	MH 02	Pháp luật	2	30	21	7	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	58	13	4
5	MH 05	Tin học	3	75	17	54	4
6	MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	6	120	60	50	10
	II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	98	2565	580	1828	157
	<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	27	555	205	299	51
7	MH 07	An toàn lao động	2	30	17	11	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện	3	45	21	21	3
9	MĐ 09	Đo lường Điện - Điện tử	2	45	15	24	6
10	MĐ 10	Điện cơ bản	3	75	15	53	7
11	MĐ 11	Sử dụng dụng cụ cầm tay	2	45	15	24	6
12	MH 12	Linh kiện điện tử	3	45	31	11	3

13	MĐ 13	Thiết kế mạch bằng máy tính	4	90	30	52	8
14	MĐ 14	Máy điện	4	90	30	52	8
15	MĐ 15	Trang bị điện	4	90	30	52	8
	<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	71	2010	375	1529	106
16	MĐ 16	Mạch điện tử cơ bản	4	90	30	52	8
17	MĐ 17	Kỹ thuật cảm biến	4	90	30	52	8
18	MĐ 18	Chế tạo mạch in và hàn linh kiện	4	90	30	52	8
19	MĐ 19	Điện tử công suất	4	90	30	52	8
20	MĐ 20	Kỹ thuật xung - số	4	90	30	52	8
21	MĐ 21	Vi điều khiển 1	4	90	30	52	8
22	MĐ 22	Vi điều khiển 2	4	90	30	52	8
23	MĐ 23	PLC cơ bản	5	120	30	77	13
24	MĐ 24	PLC nâng cao	4	90	30	46	14
25	MĐ 25	Điện tử nâng cao	6	150	30	110	10
26	MĐ 26	Điều khiển điện khí nén	4	90	30	52	8
27	MĐ 27	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	4	90	30	52	8
28	MĐ 28	Tổ chức và quản lý sản xuất	3	75	15	53	7
29	MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	17	765		765	
Tổng cộng			120	3015	800	2028	187

Thống kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Tự động hóa công nghiệp trình độ cao đẳng khoá 10: 2019÷2022, khóa 11: 2020÷2023, khóa 12: 2021÷2024 vẫn sử dụng chương trình đào tạo này:

TT	Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	29	435	157	255	23
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5

2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	97	2765	803	1832	130
	<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	20	390	144	210	36
7	MH 07	An toàn lao động	2	30	17	11	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện	3	45	21	21	3
9	MĐ 09	Đo lường điện- điện tử	2	45	15	24	6
10	MH 10	Vẽ kỹ thuật	2	30	19	9	2
11	MĐ 11	Điện cơ bản	3	75	15	53	7
12	MH 12	Máy điện	3	45	27	15	3
13	MĐ 13	Sử dụng dụng cụ cầm tay	2	45	15	24	6
14	MĐ 14	Điện tử cơ bản	3	75	15	53	7
	<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	77	2375	659	1622	94
15	MĐ 15	Trang bị điện	4	90	30	52	8
16	MĐ 16	Kỹ thuật cảm biến	3	75	15	53	7
17	MĐ 17	Điện tử công suất	3	75	15	53	7
18	MH 18	Lý thuyết điều khiển tự động	3	45	30	12	3
19	MĐ 19	Điều khiển khí nén- thủy lực	5	120	30	81	9
20	MĐ 20	Vi điều khiển	3	75	15	53	7
21	MĐ 21	Điều khiển lập trình PLC	5	120	30	81	9
22	MĐ 22	Điều khiển lập trình lập trình cỡ nhỏ	3	75	15	53	7
23	MĐ 23	Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động	3	75	15	53	7
24	MĐ 24	Mạng truyền thông công nghiệp	3	75	15	53	7
25	MĐ 25	Bảo dưỡng hệ thống tự động hóa tại doanh nghiệp	6	150	30	120	
26	MĐ 26	Robot công nghiệp	3	75	15	53	7
27	MĐ 27	Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống cơ điện tử	5	120	30	81	9
28	MĐ 28	Thiết kế lắp đặt hệ thống Smart Home	3	75	15	53	7

29	MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	20	905	259	646	
30	MĐ 30	Đồ án tốt nghiệp	5	225	100	125	
Tổng cộng			126	3200	960	2087	153

3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Số lượng tốt nghiệp	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)=(6)* 100/(5)	
1	Khóa 8 (2017-2020)	30	37	35	94,6%	
2	Khóa 9 (2018-2021)	30	32	29	90,6%	
3	Khóa 10 (2019-2022)	30	40	Đang học		
4	Khóa 11 (2020-2023)	30	55	Đang học		
5	Khóa 12 (2021-2024)	100	68	Đang học	-	

3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

Tổng số: 24, trong đó:

- Nam: 09
- Nữ: 10
- Cơ hữu: 18
- Thỉnh giảng: 1
- Kiêm nhiệm: 05
- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	01	-	-
Thạc sĩ	12	5	17
Đại học	4	3	7
Cao đẳng	-	-	-
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

TT	Hạng mục, công trình	Diện tích phòng	Tổng số phòng	Ghi chú
1	Văn phòng khoa	36,60m ²	01	
2	Phòng học lý thuyết	56 m ²	07	Tùy từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu
3	Kho trang thiết bị thực tập HS	56 m ²	02	
4	Kho vật tư	25 m ²	02	
5	Phòng thực hành	56 m ²	18	
6	Phòng thực hành (dự án ODA)	90 m ²	02	Phòng thực hành Điện-Điện tử cơ bản, phòng Cơ điện tử
11	Phòng/xưởng thực hành các môn chuyên ngành liên quan	1.241 m ²	17	Tùy từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Căn cứ công văn hướng dẫn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019
Căn cứ vào bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp/cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 08/06/2017

của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thành viên Hội đồng tự kiểm định và các đơn vị trực thuộc rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công và thực hiện tự đánh giá theo hướng dẫn theo Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018.

Thành viên Hội đồng tự kiểm định viết báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn theo hướng dẫn mẫu 3.2 thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017.

Việc mã hoá minh chứng được quy định theo hướng dẫn tại mẫu 3.3 thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

1.4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng Giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Hướng dẫn các đơn vị trong Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường theo quy định.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp cơ sở Giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường qua các năm.

+ Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của đơn vị; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, gửi các đơn vị trong cơ sở Giáo dục nghề nghiệp để lấy ý kiến.

+ Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.
- Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Cục kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động -Thương binh và Xã hội đúng thời hạn quy định.

1.4.2. Đối với các Phòng, Khoa thuộc trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- Phối hợp với các thành viên Hội đồng kiểm định hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí được giao.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Phân công đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng
- Các nội dung tự đánh giá chất lượng, bao gồm:
 - + Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng
 - + Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
 - + Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
 - + Lấy ý kiến các phòng/khoa, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	98/100	<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	98/100	

1	<i>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</i>	<i>06/06 (100%)</i>	<i>Đạt</i>
1.1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
1.2.	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	Đạt
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	Đạt
2	<i>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</i>	<i>14/14 (100%)</i>	<i>Đạt</i>
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	Đạt
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	Đạt
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên	2	Đạt

	môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	Đạt
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	Đạt
3	<i>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i>	<i>14/16 (87,5%)</i>	<i>Đạt</i>
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt

3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	Đạt
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	Đạt
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	0	Không đạt
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24/24 (100%)	Đạt
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	Đạt

4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt

4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
5	<i>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i>	<i>16/16 (100%)</i>	<i>Đạt</i>
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	Đạt
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt

5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	Đạt
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8/8 (100%)	Đạt
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về	2	Đạt

	nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	Đạt
7	<i>Tiêu chí 7 – Giám sát, đánh giá chất lượng</i>	<i>16/16 (100%)</i>	Đạt
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	Đạt

7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	Đạt
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	Đạt
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

Điểm đánh giá các tiêu chí

Tiêu chí	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6/6
Tiêu chí 2	14/14
Tiêu chí 3	14/16
Tiêu chí 4	24/24
Tiêu chí 5	16/16
Tiêu chí 6	8/8
Tiêu chí 7	16/16